

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA – ĐỀ 10**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 12****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****PHẦN I. ĐỌC HIỂU**

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi ưa nói, ưa tranh luận, nhưng khi tôi 17 tuổi nếu tôi giơ tay phát biểu trước lớp về một vấn đề không đồng ý với quan điểm của thầy cô, tôi bị dòm ngó, tẩy chay, cười mỉa... Hình như ở Việt Nam, người ta rất khó chấp nhận chuyện người nhỏ hơn mình “sửa sai” hay tranh luận thẳng thắn với người lớn.

Khi lớn, tôi có đọc *Cơ sở văn hóa Việt Nam* của GS Trần Ngọc Thêm, ông có giải thích về văn hóa của người Việt là làng xã, văn hóa trọng người lớn tuổi, “sống lâu lên lão làng”... Tôi không rõ lắm, nhưng nói như vậy để thấy 17 tuổi tôi không được ủng hộ cho chuyện được nói lên suy nghĩ của bản thân, nếu tôi nói khác với số đông, tôi lập tức là “cá biệt” mà không cần biết đúng hay sai.

Còn ở nhà, 17 tuổi tôi phải nhất nhất làm theo tất cả những gì bố mẹ sắp đặt, nếu tôi dám tranh luận lại (dù là tranh luận rất nhỏ nhẹ và lễ phép), lập tức bị khép vào “hỗn hào và bất hiếu”.

Bao giờ mới trưởng thành?

Cho đến khi tốt nghiệp đại học, tôi thật sự thấy mình đã trưởng thành (22 tuổi mới thấy trưởng thành, có lẽ khá muộn so với độ tuổi của bạn bè trên thế giới), khi đã có công việc và tự lập với thu nhập kiếm được. Tôi nghĩ có lẽ cuộc sống

của mình đã “dễ thở” hơn. Đó cũng là lúc tôi thấy con đường mà tôi đã đi như ý gia đình là không sai, nhưng thật tình như bạn nói: rất tẻ nhạt.

Tôi luôn có cảm giác không được sống đúng với sở thích, cá tính của bản thân. Nói đến đây, chắc rất nhiều bạn hỏi sao tôi không đấu tranh, không đủ dũng khí sống với cá tính, đam mê của mình mà lúc nào cũng nhất nhất nghe theo gia đình. Cũng “khởi nghĩa” vài lần, nhưng kết quả thì lần nào cũng thất bại, vì bố mẹ bao giờ cũng là... chân lý.

.... Đừng nói là 17 tuổi, đến 27 tuổi tôi vẫn chẳng thể tự do quyết định cuộc sống của mình. Và tôi biết có rất nhiều bạn trẻ giống tôi.

Tất cả những sự thay đổi trong tư tưởng đều cần rất nhiều thời gian. Tôi sẽ không thể thay đổi mình, thay đổi hoàn cảnh năm tôi 17 tuổi, nhưng tôi hi vọng thế hệ sau tôi có được điều đó, khi các em có được những người bố, người mẹ là chúng tôi.

(Đặng Anh, *Sống đúng là mình*, Tuoitre.vn, 9/9/2013)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2: Khi viết văn bản này, người viết mong muốn điều gì?

Câu 3: Vì sao tác giả lại cho rằng trong xã hội của người Việt "bố mẹ bao giờ cũng là... chân lý"?

Câu 4: Theo anh/chị, người nhỏ tuổi nên hay không khi sửa sai hay tranh luận thẳng thắn với người lớn? Vì sao?

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN

Câu 1: Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về tư duy áp đặt được đề cập đến trong văn bản phần Đọc hiểu.

Câu 2: Phân tích hình tượng nhân vật người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu (SGK Ngữ văn 12, tập II, NXB Giáo dục). Từ đó liên hệ với hình tượng bà Tú trong bài thơ *Thương vợ* của Trần Tế Xương (SGK Ngữ văn 11, tập I, NXB Giáo dục) để làm rõ tư tưởng nhân đạo của hai tác giả.

Đáp án đề 10

PHẦN I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

Phương thức biểu đạt: Nghị luận

Câu 2:

Khi viết văn bản này, người viết mong muốn thể hệ sau sẽ được thay đổi (không phải chịu sự áp đặt từ cha mẹ hay người lớn).

Câu 3:

Tác giả cho rằng trong xã hội của người Việt "bố mẹ bao giờ cũng là... chân lý" bởi vì:

- Văn hóa của người Việt là làng xã, văn hóa trọng người lớn tuổi, vậy nên con cái thường phải làm theo tất cả những gì bố mẹ sắp đặt, không dám (hoặc ít khi) làm ngược lại, hay thay đổi.
- Nếu dám tranh luận lại (dù là tranh luận rất nhỏ nhẹ và lễ phép), lập tức bị khép vào "hỗn hào và bất hiếu".

Câu 4:

- Nếu học sinh trả lời theo hướng đồng thuận (nên) thì cần lập luận:
 - + Vì đôi khi người lớn không phải lúc nào cũng đúng. Tranh luận giúp người khác nhận ra sai lầm để sửa chữa là việc nên làm.

+ Qua việc tranh luận, người nhỏ tuổi được bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, bản thân cũng trưởng thành hơn. Tuy nhiên cần phải thái độ lễ phép, lập luận khéo léo, thuyết phục...

- Nếu học sinh trả lời theo hướng không đồng thuận (không nên) thì cần lập luận:

+ Người lớn tuổi thường giàu kinh nghiệm, ít khi sai.

+ Người nhỏ tuổi chưa đủ tri thức cũng như kinh nghiệm sống để phản bác hay sửa sai cho người lớn nên cần tôn trọng, lắng nghe và học hỏi từ người lớn...

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN

Câu 1:

a. Xác định đúng vấn đề nghị luận: tư duy áp đặt.

b. Học sinh có thể trình bày theo cách của mình nhưng cơ bản cần đạt được các ý sau:

- Giải thích: Tư duy áp đặt là kiểu tư duy luôn cho mình là đúng, bắt buộc người khác phải suy nghĩ và hành động theo quan điểm của mình.

- Phân tích, bình luận:

- Tư duy áp đặt là sản phẩm của văn hóa nông nghiệp lúa nước, là lối tư duy của chế độ phong kiến, mang tính gia trưởng vẫn tồn tại khá sâu sắc trong không gian gia đình Việt (dẫn chứng).

- Mặt tích cực: tránh cho người trẻ những vấp ngã, sai lầm không đáng có do sự nông nổi, thiếu chín chắn (dẫn chứng).

- Mặt hạn chế:

+ Với người mang tư duy áp đặt: luôn có cái nhìn phiến diện, một chiều, không tiếp thu cái mới, không khắc phục được khuyết điểm, hạn chế của bản thân...

+ Với người bị áp đặt: không dám sống với suy nghĩ, sở thích, cá tính của riêng mình, luôn cảm thấy không được là chính mình, thấy cuộc sống tẻ nhạt...

+ Với xã hội: sự áp đặt của người lớn lên suy nghĩ và hành động của thế hệ trẻ sẽ tạo ra những lớp người thụ động, lười nhác trong suy nghĩ và làm việc, thích dựa dẫm, ngại sáng tạo đổi mới, làm cho xã hội, đất nước trì trệ, tụt hậu...

- Mở rộng, nâng cao vấn đề, rút ra bài học:

+ Cần phân biệt tư duy áp đặt với sự quyết đoán cần thiết trong những tình huống cụ thể và dám chịu trách nhiệm về quyết định của chính mình.

+ Người trẻ cần có thái độ lễ phép, trân trọng tiếp thu hợp lý ý kiến người lớn tuổi, người đi trước; mạnh dạn trao đổi, khéo léo thuyết phục khi đưa ra chủ kiến hay tranh luận.

c. Đảm bảo kết cấu đoạn văn chặt chẽ, trình bày rõ ràng, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp...

Câu 2:

- Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận
- Xác định đúng vấn đề nghị luận: Phân tích hình tượng người đàn bà hàng chài, từ đó liên hệ với hình tượng bà Tú để làm rõ tư tưởng nhân đạo của hai tác giả.
- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.

- Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, trau chuốt, văn viết có cảm xúc, biết phân tích văn bản theo đặc trưng thể loại để làm nổi bật vấn đề nghị luận...

2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, dẫn dắt vấn đề nghị luận

2.2. Phân tích hình tượng nhân vật người đàn bà hàng chài

- Được tái hiện trong tình huống nghịch lý, qua cái nhìn trực tiếp của nhân vật Phùng:

+ Ngoại hình thô kệch xấu xí, lam lũ, vất vả.

+ Bị chồng đánh đập một cách tàn bạo mà vẫn im lặng không van xin, chống trả hay chạy trốn... chỉ tỏ ra đau đớn, xấu hổ, nhục nhã vì làm tổn thương tâm hồn những đứa con thơ dại.

→ Chân dung chứa đựng những nghịch lý éo le, bất hạnh.

- Qua câu chuyện đời tự kể:

+ Thời con gái thua thiệt về nhan sắc, muộn duyên. Lấy chồng nhưng hoàn cảnh cơ cực, nghèo khổ, thuyền chạt, con đông, mưu sinh bằng nghề sông nước nhọc nhằn đầy bất trắc; thường xuyên bị hành hạ về thể xác, đày đoạ về tinh thần, là nạn nhân của tình trạng bạo lực gia đình...

+ Có tình yêu thương con vô bờ bến, sẵn sàng hi sinh bản thân, sống cam chịu, nhẫn nhục, không muốn ly hôn với người chồng vũ phu, độc ác chỉ vì thương con, thấu hiểu, bao dung với chồng...

+ Có lòng vị tha, bao dung, thất học mà không tầm tối, quê mùa mà sâu sắc hiểu đời, vượt lên trên nỗi đau bản thân để sống và chắt chiu hạnh phúc...

- Nguyễn Minh Châu đã đặt nhân vật vào tình huống truyện độc đáo và từ những điểm nhìn khác nhau; nhân vật được khắc hoạ rõ nét qua bút pháp tương phản giữa bề ngoài và bên trong, thân phận và phẩm chất...

(Học sinh có thể phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài theo các cách khác nhau song cần đảm bảo làm rõ những nét chính về cuộc đời, số phận, phẩm chất... và nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn).

2.3. Liên hệ với hình tượng bà Tú

- Cuộc sống lam lũ, công việc mưu sinh mưa nắng, vất vả, chứa đầy những hiểm nguy, bất trắc...

- Đam đang tận tảo, thảo hiền nhu thuận, giàu đức hi sinh, nhẫn nại vì một chút duyên với ông Tú mà phải vất vả lặn lội đầu sông cuối bãi, bươn chải lam lũ giữa chợ đời phồn tạp...

- Bằng giọng điệu trữ tình, chất chứa đầy cảm thương, pha chút hóm hỉnh, Tú Xương thể hiện sự thấu hiểu, tri ân, xót thương da diết, ngợi ca bà Tú, ngợi ca người phụ nữ với vẻ đẹp truyền thống.

2.4. Nhận xét về tư tưởng nhân đạo của hai nhà văn

- Điểm chung:

+ Cả hai nhà văn đều thể hiện lòng cảm thương đối với những người phụ nữ bình dân vất vả, lam lũ vì mưu sinh, cuộc sống chứa đựng nhọc nhằn và cả nhục nhằn.

+ Trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn của họ: giàu đức hi sinh, bao dung và mang nặng tình yêu với gia đình, chất chịu hạnh phúc đời thường...

- Điểm riêng:

+ Người đàn bà hàng chài là phương tiện để Nguyễn Minh Châu khái quát hiện thực và thể hiện tình cảm nhân đạo, bộc lộ sự quan tâm đến những bi kịch cá nhân, những số phận nhỏ bé, khuất lấp giữa cuộc sống đời thường. Nhà văn còn khái quát triết lý về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, nghệ sĩ và cuộc đời; thể hiện tư tưởng khát khao kiếm tìm, phát hiện và tôn vinh những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người...

+ Qua việc khắc hoạ hình tượng người vợ, Tú Xương bộc lộ tấm lòng thương vợ. Nhà thơ vừa cảm thương, trân trọng mà cũng xót xa cho người vợ hiền của mình, giữa thời buổi loạn lạc, công danh của ông lận đận nên bà phải vất vả, tảo tần. Từ đó, nhà thơ lên tiếng phê phán những bất công đối với người phụ nữ...

2.5. Lý giải

- Nguyên nhân tạo nên điểm chung:

+ Đề tài người phụ nữ là đề tài truyền thống trong văn học, giàu chất hiện thực.

+ Cả hai nghệ sĩ đều nặng tình người, tình đời.

+ Cả hai sáng tác đều viết ở những giai đoạn khó khăn của đất nước, số phận con người cá nhân chưa được quan tâm. Đó là tiền đề cho cảm hứng nhân văn, nhân đạo lên ngôi.

- Nguyên nhân tạo nên điểm riêng:

+ Cảm hứng, ý đồ sáng tạo của mỗi nghệ sĩ khác nhau.

+ Hai văn bản thuộc thời kì văn học khác nhau, thi pháp khác nhau.

+ Sự độc đáo trong bút pháp của mỗi nghệ sĩ và đặc trưng thể loại của mỗi tác phẩm: Tú Xương là bậc thầy về thơ Nôm trữ tình, giản dị chân thực mà sâu sắc; Nguyễn Minh Châu là cây bút văn xuôi sắc sảo, tinh anh, tài năng...

2.6. *Khái quát vấn đề nghị luận: Sự thành công trong việc khắc họa hình tượng người phụ nữ đã góp phần tạo nên giá trị của hai tác phẩm, thể hiện tài năng và tâm lòng của hai tác giả.*

Lưu ý:

- Bài làm cần được đánh giá tổng quát, tránh đếm ý cho điểm.
- Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ yêu cầu (về nội dung cũng như diễn đạt) đã nêu ở mỗi câu.
- Khuyến khích những bài viết có sáng tạo; bài viết có ý không giống đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lý lẽ thuyết phục.

Xem thêm: Đề và Lời giải chi tiết Đề thi thử THPT Quốc gia môn Ngữ văn mới nhất tại [Tuyensinh247.com](https://tuyensinh247.com)

Loigiaihay.com